

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản
quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Bộ trưởng) ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Dự án luật của Quốc hội; pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội (sau đây gọi chung là dự án);

b) Dự thảo nghị định của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng (sau đây gọi chung là dự thảo).

3. Việc soạn thảo, ban hành thông tư về quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện theo Thông tư số 38/2009/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Tổng cục, Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ (sau đây gọi là các đơn vị thuộc Bộ) và tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ trưởng chỉ đạo chung công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thứ trưởng chỉ đạo trực tiếp đơn vị hoặc lĩnh vực được Bộ trưởng phân công phụ trách việc soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo chất lượng, tiến độ soạn thảo.

3. Dự án, dự thảo phải xin ý kiến Bộ trưởng trước khi gửi lấy ý kiến rộng rãi; gửi Bộ Tư pháp thẩm định; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc trong trường hợp cần thiết khác theo chỉ đạo của Bộ trưởng.

Đối với dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc các vấn đề quan trọng, Bộ trưởng chỉ đạo lấy ý kiến của các Thứ trưởng.

Điều 4. Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật

1. Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 60 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 24/2009/NĐ-CP); Thông tư số 25/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và văn bản quy phạm pháp luật liên tịch.

2. Số, ký hiệu văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng được quy định như sau:

a) Thông tư: Số thứ tự của văn bản.../(năm ban hành)/TT-BNNPTNT;

b) Thông tư liên tịch do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo: Số thứ tự của văn bản.../(năm ban hành)/TTLT-BNNPTNT - ... (tên viết tắt của Bộ, ngành liên tịch ban hành).

Điều 5. Đánh giá tác động của văn bản, đánh giá thủ tục hành chính

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo khi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động sơ bộ của văn bản theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở kết quả đánh giá tác động sơ bộ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động trước và trong quá trình soạn thảo văn bản theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

3. Sau 3 năm, kể từ ngày luật, pháp lệnh, nghị định có hiệu lực, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động của văn bản theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

4. Đơn vị chủ trì soạn thảo dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính phải tổ chức đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 48/2013/NĐ-CP) và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 6. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

1. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được xác định cụ thể trong văn bản nhưng không được sớm hơn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

2. Đối với những văn bản có nội dung liên quan đến thỏa thuận và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia thì hiệu lực sẽ áp dụng theo điều ước và thỏa thuận quốc tế đó.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng

1. Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng một văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng ban hành, liên tịch ban hành hoặc bị đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Điều 8. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02 tháng 12 năm 2010 giữa Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và huy động từ các nguồn khác (viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước).

2. Kinh phí xây dựng, triển khai các nội dung kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; kinh phí chi cho công tác hợp nhất văn bản theo quy định hiện hành.

3. Vụ Pháp chế là đầu mối tổng hợp kinh phí cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, gửi Vụ Tài chính lập phương án phân bổ và trình Bộ quyết định giao dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị để thực hiện.

Chương II LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 9. Chương trình xây dựng dự án, dự thảo

1. Chương trình xây dựng dự án, dự thảo

a) Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo nhiệm kỳ của Quốc hội và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phân công chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành (sau đây gọi chung là chương trình xây dựng luật, pháp lệnh);

b) Chương trình xây dựng nghị định do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phân công chủ trì soạn thảo trình Chính phủ ban hành (sau đây gọi chung là chương trình xây dựng nghị định);

c) Chương trình xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phân công chủ trì soạn thảo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành (sau đây gọi chung là chương trình xây dựng quyết định);

d) Chương trình xây dựng thông tư của Bộ trưởng, thông tư liên tịch do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo (sau đây gọi chung là chương trình xây dựng thông tư).

2. Sáu tháng, hàng năm, Bộ trưởng phê duyệt chương trình xây dựng dự án, dự thảo của Bộ bao gồm chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội), chương trình xây dựng nghị định, quyết định, thông tư.

Điều 10. Lập chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

1. Trách nhiệm của đơn vị được giao chuẩn bị đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh

a) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm hoặc của cả nhiệm kỳ Quốc hội theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm hoặc của cả nhiệm kỳ Quốc hội đến Vụ Pháp chế theo thời hạn sau:

Trước ngày 15 tháng 10 của năm trước năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm;

Trước ngày 01 tháng 02 của năm đầu tiên nhiệm kỳ Quốc hội đối với hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo nhiệm kỳ Quốc hội.

2. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Tổng hợp hồ sơ đề nghị xây dựng dự án luật, pháp lệnh hàng năm và của cả nhiệm kỳ Quốc hội do các đơn vị chủ trì soạn thảo chuẩn bị để gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP.

Điều 11. Lập chương trình xây dựng nghị định, quyết định

1. Trách nhiệm của đơn vị được giao chuẩn bị đề nghị xây dựng nghị định

a) Chuẩn bị đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Khoản 4, Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

c) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định đến Vụ Pháp chế chậm nhất là ngày 01 tháng 7 của năm trước.

2. Đơn vị chuẩn bị và gửi hồ sơ đề nghị xây dựng quyết định đến Vụ Pháp chế chậm nhất là ngày 01 tháng 7 của năm trước.

3. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Văn phòng Bộ trình Bộ trưởng ký gửi đề nghị xây dựng nghị định, quyết định về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp chậm nhất là ngày 01 tháng 8 của năm trước.